

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN CÁI RĂNG
THÀNH PHỐ CẦN THƠ**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **08/2025/KDTM**.

Ngày: 30/6/2025

V/v “tranh chấp HĐ thi công”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN CÁI RĂNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà **Thái Mỹ Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Bà **Võ Thị Bích Huyền**.

2/ Ông **Lư Thành Danh**.

- Thư ký phiên tòa: Bà **Nhâm Thị Thanh Trang**, Thư ký Tòa án nhân dân quận Cái Răng.

Ngày 30 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Cái Răng xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 12/2025/TLST-KDTM, ngày 17 tháng 4 năm 2025. Về tranh chấp “**Hợp đồng thi công**”. Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 199/2025/QĐXXST, ngày 10 tháng 6 năm 2025. Giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: **Công ty TNHH X**

Địa chỉ: Ấp T, xã T, huyện P, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Võ Thanh T**, sinh năm 1987.

Chức vụ: Giám đốc. Có đơn đề ngày 30/6/2025 xin giải quyết vắng mặt. (SĐT 0907 120 156)

2/ Bị đơn: **Công ty TNHH C**

Trụ sở: Số A, đường T, khu vực P, phường P, quận C, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện theo pháp luật: ông **Lê Minh T1**, sinh năm 1979.

Chức vụ: Giám đốc. Vắng mặt (SĐT 0917.552.089, 0944.429.629)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Trong đơn khởi kiện ngày 04/4/2025 và quá trình giải quyết vụ án, đại diện nguyên đơn Công ty TNHH X trình bày:

Công ty TNHH X (gọi tắt C1 - bên B) và Công ty TNHH C (gọi tắt Cty cơ giới C2 - bên A) có ký Hợp đồng thi công số 0104/HĐ-XD.2024 ngày 23/3/2024 (phần nhân công) với nội dung: Bên B sẽ thi công công trình “Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã T”, với giá trị của hợp đồng là 171.907.000 đồng (bao gồm 8%VAT).

Phương thức thanh toán: thanh toán hoàn tất trong vòng 03 đến 05 ngày kể từ ngày thống nhất khối lượng nghiệm thu. Sau 28 ngày thanh lý hợp đồng nếu chưa thanh toán đủ thì phải chịu mọi tổn thất do việc chậm thanh toán gây ra. Thời hạn thực hiện hợp đồng kể từ ngày ký 23/3/2024. Phương thức thanh toán bằng tiền mặt hoặc chuyển khoản.

Quá trình thực hiện hợp đồng này, nguyên đơn đã thực hiện thi công khối trụ sở chính, khối hội trường trực tuyến và công hàng rào, hội trường phát sinh. Theo Bản chi tiết khối lượng nhân công xây dựng công trình vào ngày 23/3/2024 thì Bên B đã hoàn thành 100% theo Biên bản nghiệm thu ngày 30/6/2024 và xuất hóa đơn GTGT số 1 ngày 08/8/2024 có giá trị là **171.907.000 đồng**. Nhưng phía bị đơn Công ty TNHH C chỉ mới thanh toán được 80.000.000 đồng bằng hình thức khuyến khoản. Như vậy Công ty TNHH C còn nợ bên A số tiền là **91.907.000 đồng**. Nguyên đơn đã nhiều lần liên hệ và nhắc nhở để yêu cầu thanh toán nhưng phía bị đơn luôn lẩn tránh và không thanh toán tiền nhân công còn nợ.

Nhận thấy, Công ty TNHH C đã vi phạm Hợp đồng, xâm phạm nghiêm trọng đến quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn. Nên nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nhân công còn thiếu là **91.907.000 đồng** và yêu cầu bị đơn chịu lãi do chậm thanh toán theo qui định tính từ ngày xuất hóa đơn cho đến khi thanh toán hết nợ.

Đại diện bị đơn Công ty TNHH C trình bày: Công ty TNHH C có ký Hợp đồng thi công số 0104/HĐ-XD.2024 ngày 23/3/2024 (phần nhân công) với Công ty TNHH X nội dung: nguyên đơn sẽ thi công công trình “Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã T”, với giá trị của hợp đồng là 171.907.000 đồng (bao gồm 8% VAT). Bị đơn thừa nhận đã thanh toán cho nguyên đơn được 80.000.000 đồng bằng hình thức khuyến khoản.

Phía Công ty TNHH C thừa nhận nguyên đơn đã thực hiện thi công các hạng mục theo Bản chi tiết khối lượng nhân công xây dựng công trình vào ngày 23/3/2024 kèm theo hợp đồng nhưng hai bên chưa đối chiếu khối lượng và giá trị thực tế nhân công đã thực hiện. Bị đơn không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và cho rằng Biên bản nghiệm thu ngày 30/6/2024 là không đúng thực tế nên đề nghị hai bên đối chiếu xác nhận lại.

Quá trình giải quyết vụ án, tòa án đã triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng bị đơn **Công ty TNHH C** cố tình vắng mặt không đến. Sau khi tiến hành các thủ tục cần thiết, Tòa án quyết định đưa vụ án ra xét xử công khai vắng mặt bị đơn.

Tại phiên tòa hôm nay: Đại diện bị đơn Công ty TNHH C vắng mặt không rõ lý do. Nguyên đơn cũng có Đơn đề ngày 30/6/2025 xin giải quyết vắng mặt, vẫn yêu cầu bị đơn phải trả số tiền nhân công còn thiếu là **91.907.000 đồng** nhưng rút lại không yêu cầu bị đơn chịu lãi do chậm thanh toán. Tuy nhiên, trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì yêu cầu trả lãi chậm thanh toán theo qui định cho đến khi thanh toán hết nợ. Nên vụ án được đưa ra xét xử công khai vắng mặt các bên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Việc thỏa thuận thuê nhân công giữa các đương sự được lập văn bản thể hiện bằng Hợp đồng thi công số 0104/HĐ-XD.2024 ngày 23/3/2024 (phần nhân công) (BL 41-48). Nguyên đơn đã thực hiện việc thi công theo thỏa thuận. Bị đơn xác nhận đã thanh toán được 80.000.000 đồng trong số 171.907.000 đồng giá trị của hợp đồng. Do các bên không thực hiện đúng nghĩa vụ đã thỏa thuận nên xảy ra tranh chấp; cả hai bên đều có đăng ký kinh doanh và đều có mục đích lợi nhuận (BL 50, 61-62). Nên đây là quan hệ tranh chấp kinh doanh, thương mại về “Hợp đồng thi công” được ngành Luật thương mại và Luật dân sự điều chỉnh và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án khi các đương sự có yêu cầu theo qui định tại khoản 1 Điều 30 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn có yêu cầu giải quyết vắng mặt (BL 98); bị đơn đã được tòa án triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai để tham gia phiên tòa, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do nên Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo qui định tại khoản 2 Điều 227, khoản 1,3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử xét thấy:

Trong quá trình giải quyết vụ án, mặc dù đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng bị đơn vẫn luôn vắng mặt. Song căn cứ vào các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ, cụ thể là **Hợp đồng thi công số 0104/HĐ-XD.2024 ngày 23/3/2024** (phần nhân công) (BL 41-48, bản gốc) do nguyên đơn cung cấp, có chữ ký và đóng dấu của cả hai bên. Theo đó thì **Công ty TNHH C** do ông Lê Minh Triều đại D thuê nhân công trọn gói của **Công ty TNHH X** thực hiện theo Bảng chi tiết khối lượng nhân công xây dựng công trình “Nâng cấp sửa chữa trụ sở UBND xã T” của 04 hạng mục gồm: khối trụ sở chính, khối nhà hội trường trực tuyến, công – hàng rào và hội trường phát sinh. Tổng giá trị hợp đồng là **171.907.000 đồng** (Một trăm bảy mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn đồng).

[4] Bị đơn cho rằng Biên bản nghiệm thu ngày 30/6/2024 (BL 31-33) là không đúng thực tế nên đề nghị hai bên đối chiếu xác nhận lại. Yêu cầu này không có cơ sở chấp nhận. Bởi lẽ bản thân bị đơn cũng không phải là đơn vị trúng thầu mà chỉ được thuê lại, bị đơn tiếp tục thuê lại đơn vị của nguyên đơn để trực tiếp thực hiện thi công. Nên cả hai bên nguyên đơn và bị đơn đều không có tư cách tham gia nghiệm thu. Mặt khác, Hợp đồng thi công số 0104/HĐ-XD.2024 được ký kết giữa hai bên vào ngày 23/3/2024. Đến ngày 06/5/2024 bị đơn đã chuyển khoản thanh toán cho nguyên đơn số tiền 40.000.000 đồng, tiếp tục vào ngày 07/6/2024 bị đơn chuyển khoản 02 lần 10.000.000 đồng, ngày 10/7/2024 chuyển khoản thanh toán 10.000.000 đồng và ngày 03/8/2024 chuyển khoản thanh toán 20.000.000 đồng. Điều này chứng minh bị đơn đã thừa nhận khối lượng nhân công mà nguyên đơn đã thực hiện đúng

với Hợp đồng và đã được nghiệm thu theo Biên bản nghiệm thu ngày 30/6/2024 của các chủ thể có thẩm quyền.

[5] Bị đơn thừa nhận chỉ mới thanh toán được 80.000.000 đồng. Nên số tiền nhân công theo Hợp đồng còn nợ là 171.907.000 đồng - 80.000.000 đồng = 91.907.000 đồng. Do đó, nguyên đơn khởi kiện yêu cầu bị đơn có trách nhiệm trả số tiền nhân công còn nợ là **91.907.000 đồng** (Chín mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) là hoàn toàn có cơ sở chấp nhận theo qui định tại Điều 74, 87 Luật thương mại và Điều 513, 519 Bộ luật dân sự.

[6] Về lãi suất do chậm thanh toán: Theo qui định tại Điều 306 Luật thương mại thì lãi suất do chậm thực hiện nghĩa vụ thanh toán được tính theo Lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường, trừ trường hợp có thỏa thuận khác... Theo nội dung Hợp đồng thì công số 0104/HĐ-XD.2024 ngày 23/3/2024 thì các bên không thỏa thuận về lãi suất chậm thanh toán. Nhưng tại Điều 7 của Hợp đồng có thỏa thuận "...việc chuyển tiền thanh toán được hoàn tất trong vòng từ 03 đến 05 ngày kể từ ngày thống nhất khối lượng nghiệm thu...". Việc nghiệm thu thực hiện ngày 30/6/2024 (BL 31-33) và nguyên đơn đã xuất hóa đơn GTGT số 1 ngày 08/8/2024 (BL 40); Nên yêu cầu về lãi của nguyên đơn theo số nợ còn lại và thời gian tính lãi do chậm thanh toán từ ngày 08/8/2024 là có cơ sở chấp nhận theo qui định của Bộ luật dân sự. Tuy nhiên, tại Đơn xin giải quyết vắng mặt ngày 30/6/2025, nguyên đơn không yêu cầu về lãi suất do chậm thanh toán nên HĐXX không xem xét.

[6] Thời hạn và phương thức trả nợ thuộc thẩm quyền của Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng nên Hội đồng xét xử không điều chỉnh. Trong giai đoạn thi hành án nếu bị đơn không thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì nguyên đơn vẫn yêu cầu trả lãi chậm trả theo qui định của pháp luật. Cho nên trong giai đoạn thi hành án nếu phía bị đơn chậm trả nợ thì hàng tháng còn phải chịu lãi suất chậm thanh toán theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

[7] Bị đơn phải chịu án phí trên phần nghĩa vụ phải thực hiện là 5% x 91.907.000 đồng = **4.595.350 đồng** (Bốn triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi đồng).

Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp do yêu cầu khởi kiện được chấp nhận.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ vào:

- Điều 30, 35, 39, 147, 264, 266, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự.
- Điều 24, 50, 55 và 306 Luật thương mại;
- Điều 357, 430, 440, 468 Bộ luật dân sự.

- Căn cứ Nghị quyết 326/2016 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội qui định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

1/ Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty TNHH X. Buộc bị đơn **Công ty TNHH C** do ông Lê Minh Triều đại D có nghĩa vụ thanh toán cho **Công ty TNHH X và TM TMT 79** số tiền nợ nhân công là **91.907.000 đồng** (Chín mươi một triệu, chín trăm lẻ bảy nghìn đồng) khi án có hiệu lực.

Ghi nhận nguyên đơn không yêu cầu tính lãi suất do chậm thanh toán.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2/ Nguyên đơn **Công ty TNHH X** được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp **2.353.000 đồng** (Hai triệu, ba trăm năm mươi ba nghìn đồng) theo biên lai số 0001502 ngày 14/4/2025 tại Chi cục thi hành án dân sự quận Cái Răng, thành phố Cần Thơ.

Bị đơn **Công ty TNHH C** do ông Lê Minh Triều đại D phải chịu **4.595.350 đồng** (Bốn triệu, năm trăm chín mươi lăm nghìn, ba trăm năm mươi đồng) án phí KDTM sơ thẩm.

Trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được hoặc bản án được niêm yết tại trụ sở UBND xã phường nơi cư trú thì các đương sự được quyền kháng cáo để xin xét xử phúc thẩm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:

- TAND TP. Cần Thơ.
- VKSND Q. Cái Răng.
- Cơ quan Thi hành án.
- Người TGT.
- Lưu HS – BA.

Thái Mỹ Nhung

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Thái Mỹ Nhung

